FireAnt

CTCP Hoàng Hà (UPCOM: HHG)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	1,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,300
SL cổ phiếu LH	34,896,354
KLGD BQ 20 phiên (CP)	129,715
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	56
P/E	-0.7
EPS	-2,148

	YTD	1T	3T	6T
HHG	6.7%	-5.9%	14.3%	0.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

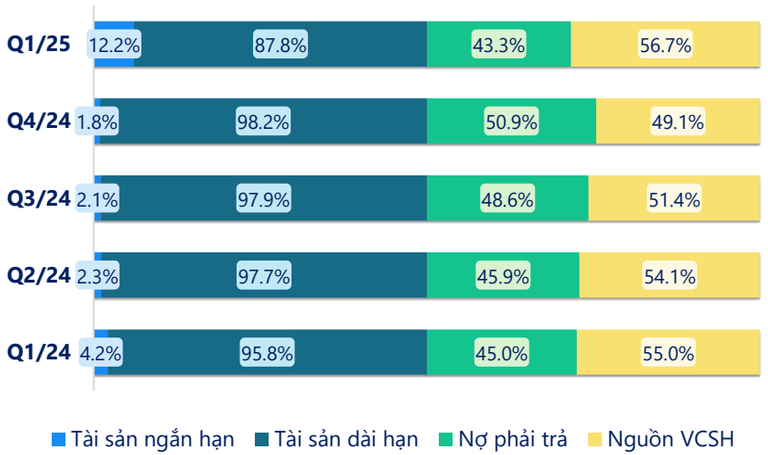

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

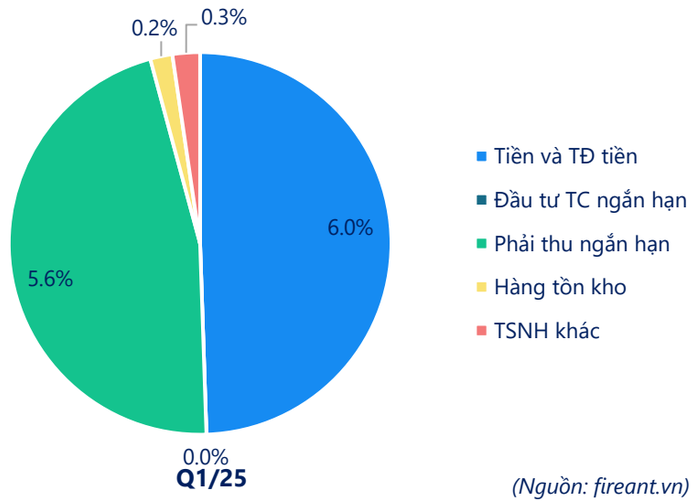

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

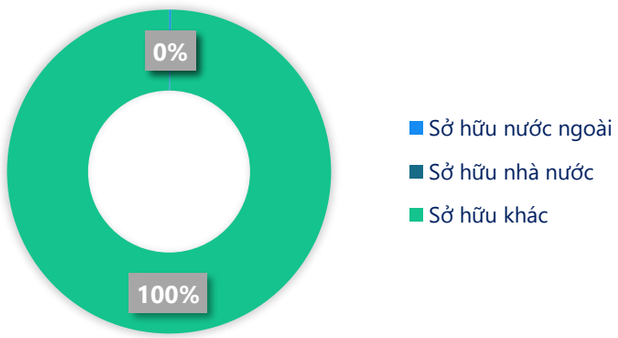

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

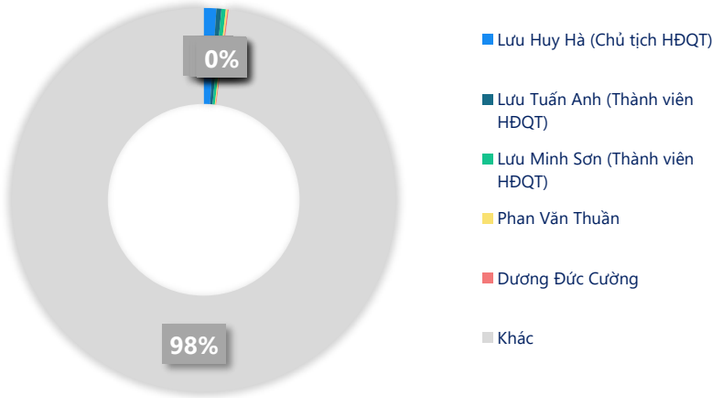

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

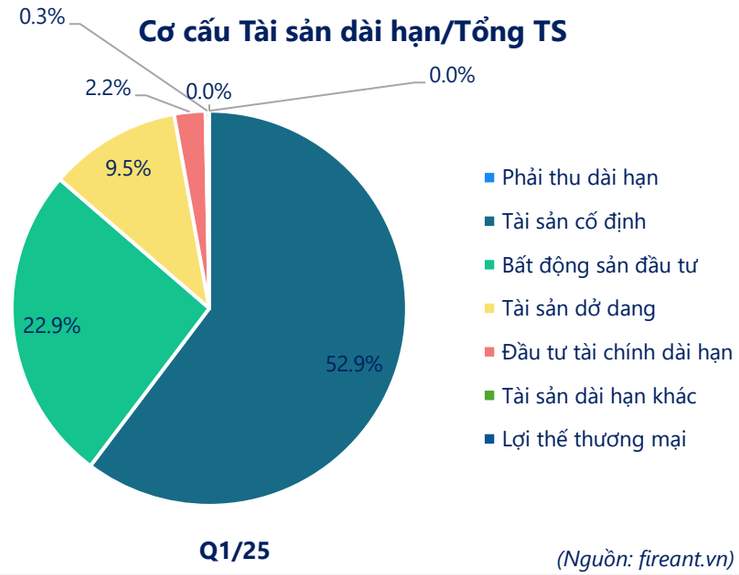

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Hoàng Hà (UPCOM: HHG)

Tiền và tương đương tiền

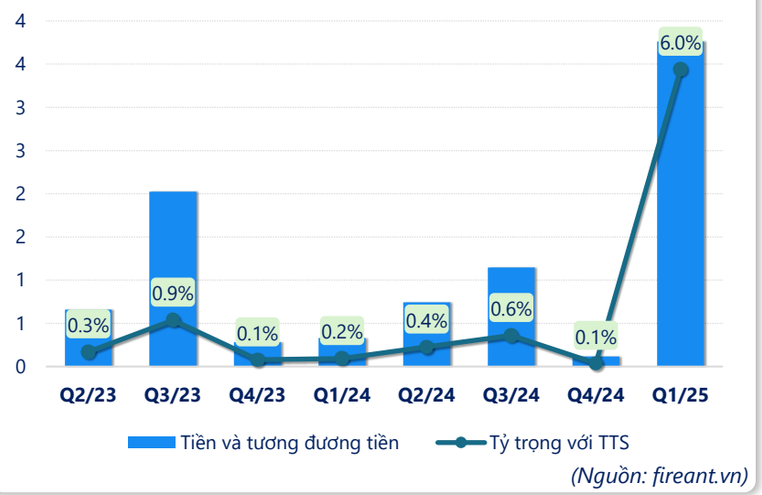

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

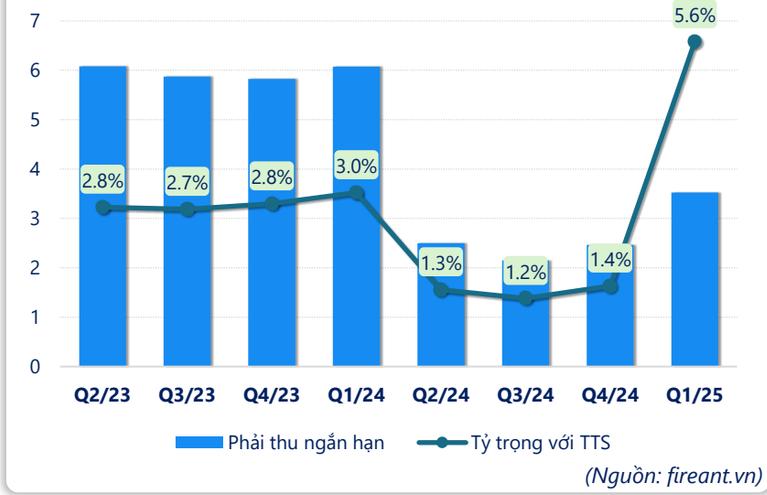

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

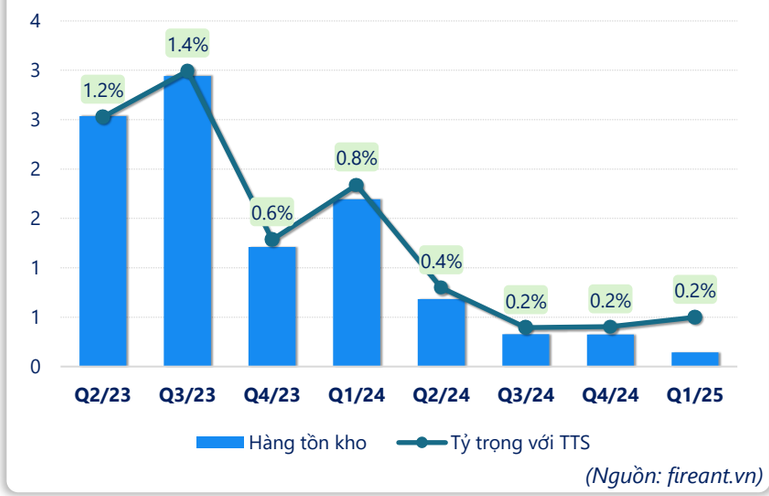

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

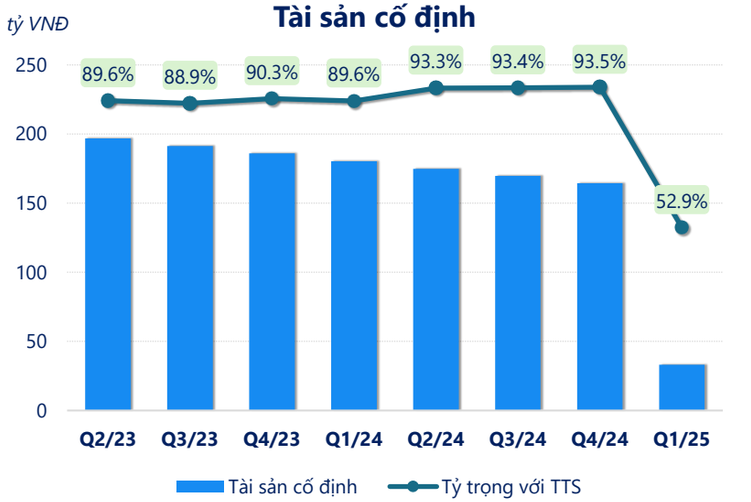

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

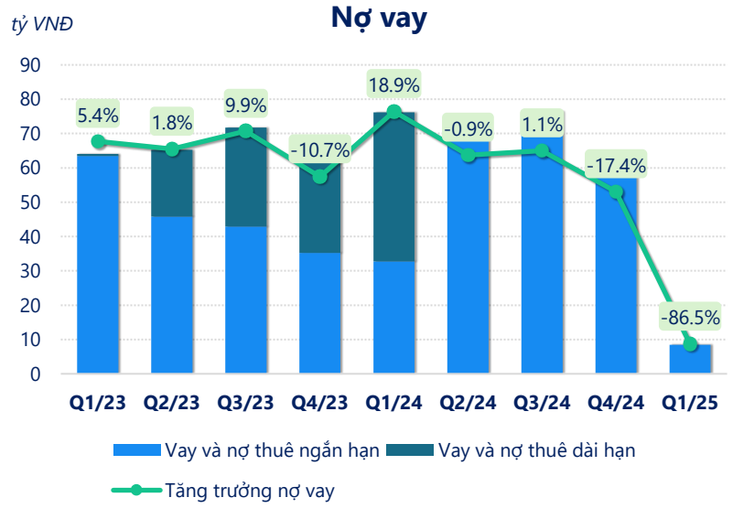

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

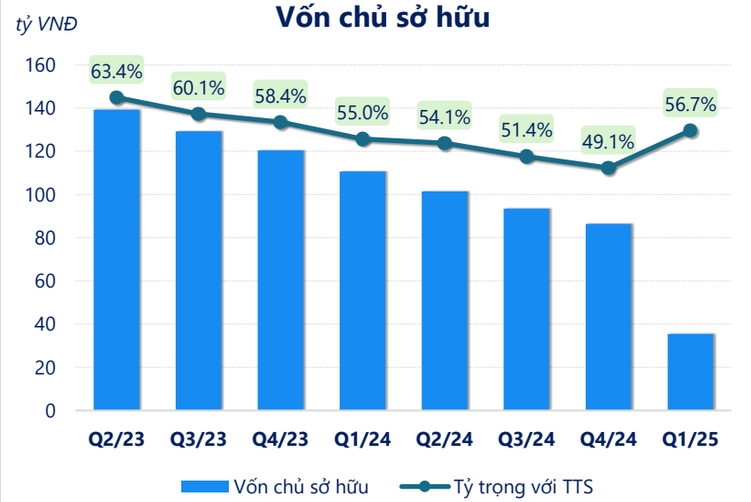

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Hoàng Hà (UPCOM: HHG)

Kết quả kinh doanh

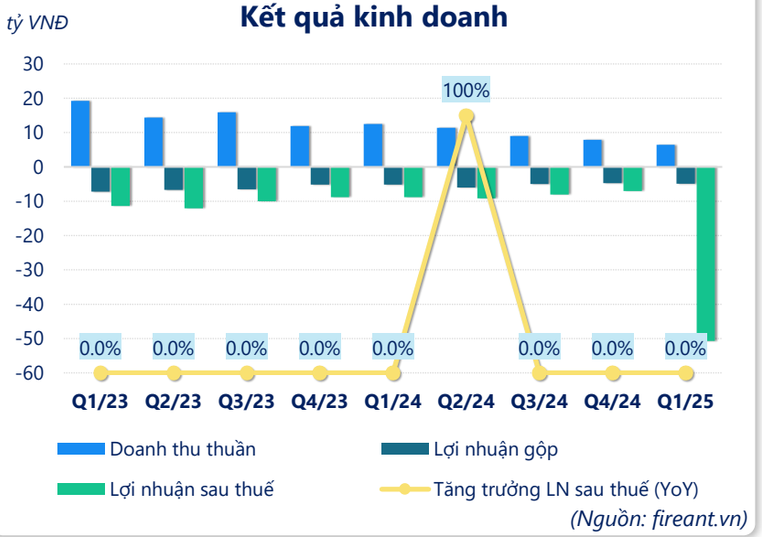

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

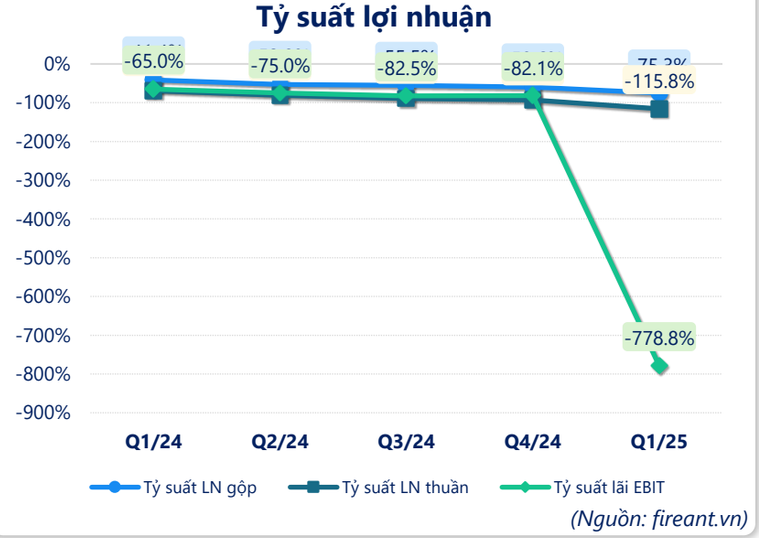

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

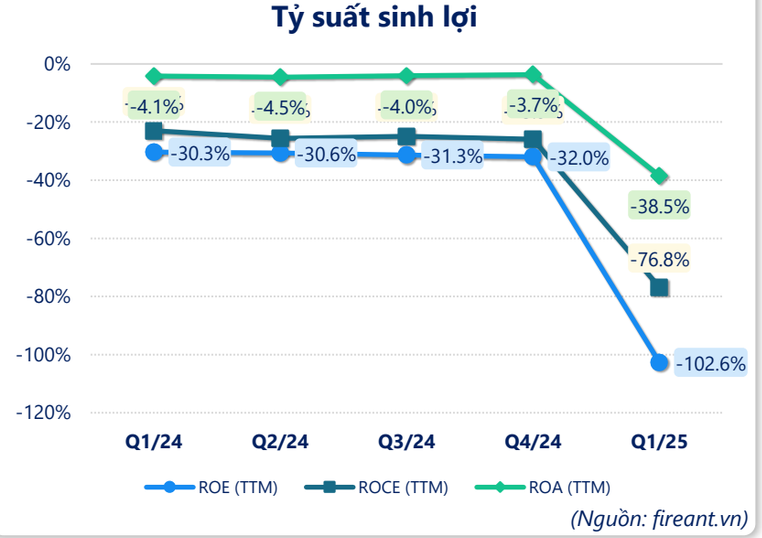

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

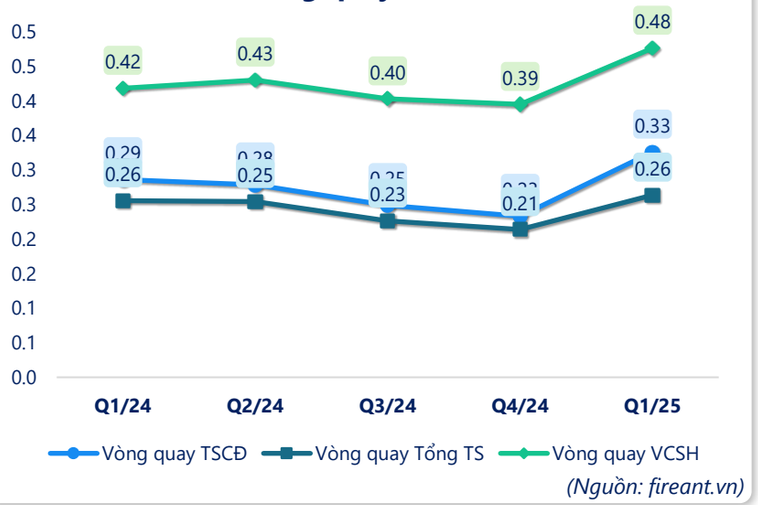

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

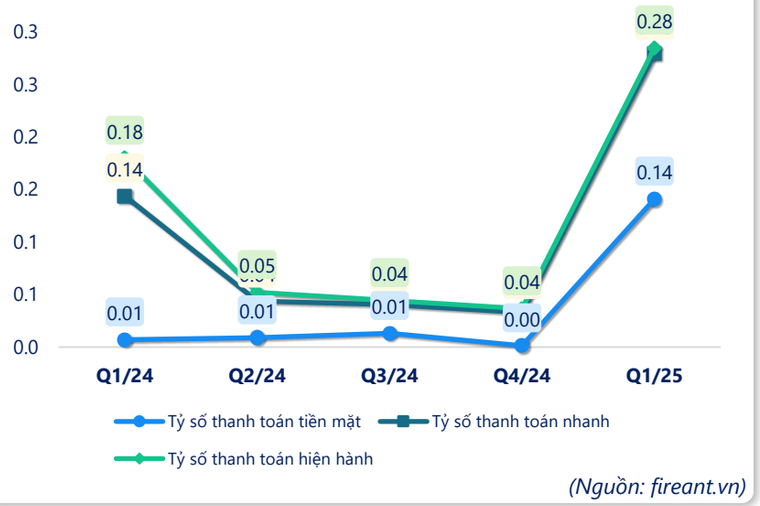

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

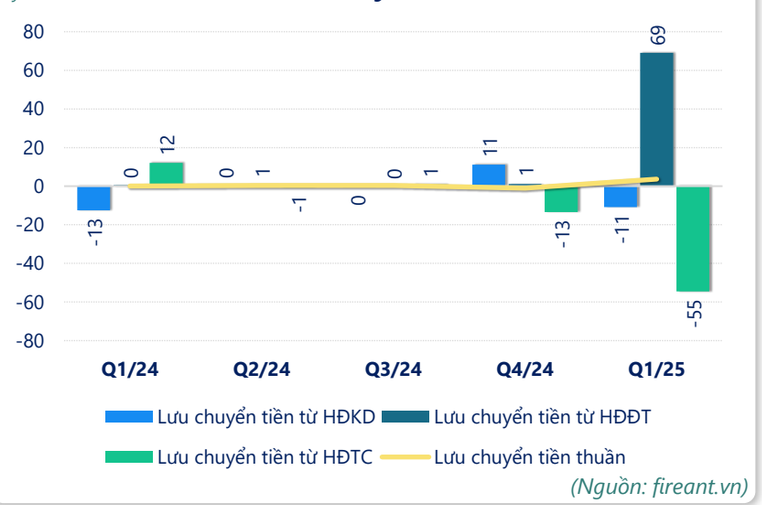

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Hoàng Hà (UPCOM: HHG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**62.5**	**176**	**-64.5%**
Tài sản ngắn hạn	7.61	3.77	102%
Tiền và tương đương tiền	3.76	0.12	3110%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	3.52	2.97	18.5%
Hàng tồn kho	0.14	0.32	-56.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.18	0.35	-49.6%
Tài sản dài hạn	**54.9**	**172**	**-68.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	33.1	150	-77.9%
Bất động sản đầu tư	14.3	14.5	-1.3%
Tài sản dở dang	5.93	5.93	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.40	1.40	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.17**	**0.25**	**-32.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	27.1	89.7	-69.8%
Nợ ngắn hạn	**26.7**	**89.3**	**-70.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8.48	63.0	-86.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.96	5.67	5.1%
Nợ dài hạn	0.33	0.34	-3.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**35.4**	**86.2**	**-58.9%**
Vốn chủ sở hữu	**35.4**	**86.2**	**-58.9%**
Vốn điều lệ	349	349	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	12.5	11.4	8.97	7.92	6.48
Giá vốn hàng bán	17.7	17.4	14.0	12.6	11.4
Lợi nhuận gộp	-5.19	-6.03	-4.98	-4.72	-4.88
Doanh thu HĐTC	0.02	0.02	0.01	0.34	0.25
Chi phí TC	0.67	0.38	0.60	0.52	0.32
Chi phí lãi vay	0.67	0.38	0.60	0.52	0.28
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.83	2.86	2.43	2.49	2.55
LN thuần từ HĐKD	-8.67	-9.25	-7.99	-7.38	-7.50
Lợi nhuận khác	-0.16	0.32	-0.01	0.36	-43.2
LN trước thuế	-8.83	-8.93	-8.01	-7.02	-50.7
Lợi nhuận sau thuế	-8.83	-9.19	-8.01	-7.03	-50.7
LNST của CĐ cty mẹ	-8.83	-9.19	-8.01	-7.03	-50.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.5	0.31	-0.50	11.2	-10.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.46	0.76	0.08	1.19	69.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	12.1	-0.66	0.82	-13.4	-54.5
Tiền đầu kỳ	0.28	0.33	0.74	1.15	0.12
Lưu chuyển tiền thuần	**0.05**	**0.41**	**0.40**	**-1.03**	**3.65**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.33	0.74	1.15	0.12	3.76

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic